

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS-ST

Ngày: 17-7-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hải – CBTA

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hạnh – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2015/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2015 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2018; Thông báo mở phiên tòa số 18/2019/TB-TA ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH xây dựng Thương mại Dịch vụ TK (gọi tắt là Công ty TK)

Địa chỉ: 36/2 Đô Lương, phường 11, thành phố V, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Mạnh T- giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền : ông Bùi Đức Q và bà Lê Thị G – sinh năm : 1989

Địa chỉ: 577 Phạm Văn Đồng, phường P, thành phố B, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* ông Phạm Văn D, sinh năm : 1959

Địa chỉ: 1299 đường 30/4, phường 12, TP V, tỉnh B; (vắng mặt lần 2 không lý do)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : bà Nguyễn Thị K

Địa chỉ: 1299 đường 30/4, phường 12, TP.V, tỉnh B; (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2015, bản tự khai, các buổi làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/6/2014 Công ty TNHH Xây dựng thương mại dịch vụ TK (gọi tắt là công ty TK) và ông Phạm Văn D có ký hợp đồng thi công xây dựng số 09/2014/HĐXD-TK về việc xây dựng công trình nhà ở của ông D tại số 1299

đường 30/4, phường 12, thành phố V. Tổng giá trị hợp đồng tính theo m² sử dụng với đơn giá xây dựng 1.000.000đ/m². Phần sân thượng không lợp ngói được tính là 30%, phần mái có lợp ngói được tính 50%, móng băng được tính 40% (theo diện tích sử dụng). Ngày 11/11/2014 Công ty TK có lập bảng quyết toán khối lượng công trình với tổng chi phí phát sinh là 608.500.000đ (Sáu trăm lẻ tám triệu năm trăm ngàn đồng). Ông Phạm Văn D đã thanh toán cho công ty TK số tiền 440.000.000đ, số tiền còn lại là 168.500.000đ ông D không thanh toán. Công ty TK đã nhiều lần yêu cầu ông D thanh toán nhưng ông D không thực hiện nên công ty TK khởi kiện yêu cầu ông D phải thanh toán toàn bộ số tiền còn lại là 168.500.000đ.

Ngày 31/8/2016 Công ty TK có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và xác định chỉ yêu cầu ông D thanh toán số tiền còn lại là 27.315.200 đồng.

Theo bản tự khai, các buổi làm việc – ông Phạm Văn D trình bày:

Ngày 18/6/2014 Công ty TNHH Xây dựng thương mại dịch vụ TK (gọi tắt là công ty TK) và ông Phạm Văn D có ký hợp đồng thi công xây dựng số 09/2014/HĐXD-TK về việc xây dựng công trình nhà ở của ông D tại số 1299 đường 30/4, phường 12, thành phố V. Tổng giá trị hợp đồng tính theo m² sử dụng với đơn giá xây dựng 1.000.000đ/m². Phần sân thượng không lợp ngói được tính là 30%, phần mái có lợp ngói được tính 50%, móng băng được tính 40% (theo diện tích sử dụng). Tổng giá trị phát sinh theo bảng quyết toán khối lượng công trình là 439.871.666 đồng. Ông D đã thanh toán đầy đủ số tiền 440.000.000đ cho công ty TK. Tuy nhiên đến ngày 11/11/2014 công ty TK lại lập bảng quyết toán công trình bổ sung với tổng chi phí phát sinh thực tế là 608.500.000đ do có một vài hạng mục công trình bất hợp lý nên ông D không đồng ý thanh toán số tiền phát sinh trên nên dẫn đến tranh chấp. Quá trình làm việc tại Tòa, ông D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TK.

Theo bản tự khai, các buổi làm việc, bà Nguyễn Thị K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà K và ông D có quan hệ vợ chồng. Bà xác định ngày 18/6/2014 Công ty TNHH Xây dựng thương mại dịch vụ TK (gọi tắt là công ty TK) và ông Phạm Văn D có ký hợp đồng thi công xây dựng số 09/2014/HĐXD-TK về việc xây dựng công trình nhà ở của ông D tại số 1299 đường 30/4, phường 12, thành phố V. Tổng giá trị hợp đồng tính theo m² sử dụng với đơn giá xây dựng 1.000.000đ/m². Phần sân thượng không lợp ngói được tính là 30%, phần mái có lợp ngói được tính 50%, móng băng được tính 40% (theo diện tích sử dụng). Tổng giá trị phát sinh theo bảng quyết toán khối lượng công trình là 439.871.666 đồng. Vợ chồng bà đã thanh toán đầy đủ số tiền 440.000.000đ cho công ty TK. Do đó bà K không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TK.

Bị đơn ông Phạm Văn D nhiều lần vắng mặt các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các lần xét xử không lý do.

Đến thời điểm mở phiên tòa, các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới về vụ án.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; phía nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Công ty TK khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn D. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TK không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2015, Công ty TK khởi kiện ông Phạm Văn D về tranh chấp hợp đồng thi công; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phạm Văn D nhiều lần vắng mặt không lý do, bà Nguyễn Thị K có đơn xin giải quyết vắng mặt nên áp dụng khoản 1; điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông D và bà K.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 18/6/2014 Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ TK và ông Phạm Văn D có ký hợp đồng thi công xây dựng số 09/2014/HĐXD-TK về việc xây dựng công trình nhà ở của ông D tại số 1299 đường 30/4, phường 12, thành phố V. Tổng giá trị hợp đồng tính theo m² sử dụng với đơn giá xây dựng 1.000.000đ/m². Phần sân thượng không lợp ngói được tính là 30%, phần mái có lợp ngói được tính 50%, móng băng được tính 40% (theo diện tích sử dụng). Ngày 11/11/2014 Công ty TK có lập bảng quyết toán khối lượng công trình với tổng chi phí phát sinh là 608.500.000đ (Sáu trăm lẻ tám triệu năm trăm ngàn đồng). Ông Phạm Văn D đã thanh toán cho công ty TK số tiền 440.000.000đ, số tiền còn lại là 168.500.000đ ông D không thanh toán. Công ty TK đã nhiều lần yêu cầu ông D thanh toán nhưng ông D không thực hiện nên công ty TK khởi kiện yêu cầu ông D phải thanh toán toàn bộ số tiền còn lại là 168.500.000đ. Ngày 31/8/2016 Công ty TK có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và xác định chỉ yêu cầu ông D thanh toán số tiền thi công phát sinh còn lại là 27.315.200 đồng. Phía ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị K thì cho rằng tổng giá trị phát sinh theo

hợp đồng và thực tế thi công là 439.871.666đ và ông bà đã thanh toán đầy đủ số tiền thi công là 440.000.000đ. Tuy nhiên, ngay sau khi thanh toán và bàn giao nhà xong, công ty TK lại lập bảng quyết toán công trình mới với số tiền phát sinh lên đến 608.500.000đ nhưng công ty TK không thể giải thích được về những hạng mục phát sinh thêm trong bảng quyết toán công trình ngày 11/11/2014. Do đó, ông bà không chấp nhận thanh toán số tiền phát sinh theo yêu cầu của công ty TK.

Xét thấy, Công ty TK và ông Phạm Văn D có ký kết hợp đồng thi công xây dựng nhà ở của ông D tại số 1299 đường 30/4, phường 12, thành phố V. Trong hợp đồng, hai bên không xác định cụ thể giá trị hợp đồng, tuy nhiên có thỏa thuận tổng giá trị hợp đồng tính theo m² sử dụng với đơn giá xây dựng 1.000.000đ/m²; Phần sân thượng không lợp ngói được tính là 30%, phần mái có lợp ngói được tính 50%, móng băng được tính 40% (theo diện tích sử dụng). Sau khi hoàn thành công trình, hai bên tiến hành bàn giao nhà và ông D thanh toán toàn bộ số tiền là 440.000.000đ mà không lập bảng quyết toán thi công công trình, biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình bằng văn bản. Tuy nhiên, đến ngày 11/11/2014 công ty TK lại lập bảng quyết toán thi công công trình với tổng chi phí phát sinh là 608.500.000đ nhưng không có chữ ký xác nhận khối lượng của hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đều xác nhận ông D đã thanh toán cho công ty TK số tiền là 440.000.000đ, Tuy nhiên, hai bên không thống nhất được với nhau về diện tích xây dựng thực tế và khối lượng thi công cụ thể của căn nhà số 1299 đường 30/4, phường 12, thành phố V, đồng thời phía công ty TK cũng không đưa ra được các chứng cứ chứng minh cho tổng diện tích thi công và chi phí phát sinh thực tế trong quá trình thi công căn nhà 1299 đường 30/4, phường 12, thành phố V. Xét thấy, việc kiểm định để xác định diện tích xây dựng là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu công ty TK phải nộp tạm ứng chi phí giám định, kiểm định theo quy định tại Điều 160 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nhưng công ty TK không thực hiện, đồng thời công ty TK không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, do đó không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty TK đối với ông Phạm Văn D.

[3]. Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1,2 Điều 227, khoản 1,2 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 91, Điều 160 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ TK đối với ông Phạm Văn D.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ TK phải nộp là 1.365.760 đồng (một triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.212.500đ (bốn triệu hai trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 06589 ngày 17/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Hoàn trả lại cho công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ TK số tiền 2.846.740đ (Hai triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm bốn mươi đồng).

Những người tham gia tố tụng có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; Riêng những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP-VT;
- Thi hành án dân sự TP-VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG

